

Long An, ngày 02 tháng 4 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LẦN 12**
Nhiệm kỳ III (2016-2021)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN IDICO**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 27/4/2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị thường kỳ lần 12 – Nhiệm kỳ III (2016-2021) ngày 29/3/2019 đã được các thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất và thông qua một số nội dung sau:

1.1. Thông qua chương trình, nội dung, tài liệu, thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

+ Chương trình, nội dung Đại hội:

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018.

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty trong năm 2018.

Thông qua các tờ trình: Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018, kế hoạch năm 2019; Chế độ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2018 và kế hoạch năm 2019; Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019...

+ Thời gian tổ chức Đại hội: 26/4/2019

+ Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường lầu 04, Trụ sở Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO, số 88 Quốc lộ 1 (tuyến tránh), Phường 6, TP Tân An tỉnh Long An.



1.2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam với các chỉ tiêu chính sau:

Bảng cân đối kế toán:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01.01.2018	Tại ngày 31.12.2018	Ghi chú
Tổng tài sản	270 – BCĐKT	359.612.635.251	394.871.245.255	
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	248.571.591.450	240.948.997.999	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	21.412.689.235	23.324.898.392	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130- BCĐKT	19.672.235.207	36.825.778.072	
Trong đó: Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137-BCĐKT	(2.921.845.812)	(1.845.991.240)	
4. Hàng tồn kho	140- BCĐKT	138.859.707.672	105.131.904.915	
5. Tài sản ngắn hạn khác	150- BCĐKT	11.126.959.336	7.080.966.026	
II. Tài sản dài hạn	200- BCĐKT	111.041.043.801	153.922.247.256	
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	155.747.195	155.747.195	
2. Tài sản cố định	220- BCĐKT	20.249.829.322	19.742.103.959	
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	83.885.467.284	127.274.396.102	
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250- BCĐKT	6.750.000.000	6.750.000.000	
6. Tài sản dài hạn khác	260- BCĐKT			
B. Tổng nguồn vốn	440 – BCĐKT	359.612.635.251	394.871.245.255	
I. Nợ phải trả	300- BCĐKT	231.218.843.007	272.621.951.013	
1. Nợ ngắn hạn	310- BCĐKT	64.548.599.583	92.489.964.924	
2. Nợ dài hạn	330- BCĐKT	166.670.243.424	180.131.986.089	
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	400- BCĐKT	128.393.792.244	122.249.294.242	
1. Vốn chủ sở hữu	410- BCĐKT	128.393.792.244	122.249.294.242	
Trong đó: Vốn góp của CSH	411- BCĐKT	85.500.000.000	85.500.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421- BCĐKT	21.260.502.196	6.055.501.998	

Bảng kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2018
1. Tổng doanh thu		188.489.907.233	183.624.529.194
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	175.778.645.060	173.570.027.671
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	3.099.019.837	9.241.705.597
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	9.612.242.336	812.795.926
2. Tổng chi phí		170.422.553.873	161.338.934.771
- Giá vốn hàng bán	11-BCKQKD	115.284.528.028	132.570.014.296
- Chi phí tài chính	22-BCKQKD	19.093.283.572	721.463.876
- Chi phí bán hàng	24-BCKQKD	16.654.456.272	11.996.257.789
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25-BCKQKD	11.252.763.026	16.005.388.958
- Chi phí khác	32-BCKQKD	8.137.522.975	45.809.852
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50-BCKQKD	18.067.353.360	22.285.594.423
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	15.407.245.591	16.315.501.998

1.3. Thông qua Kế hoạch tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO, với nội dung sau:

1	Nguồn vốn kinh doanh:	136.055 triệu đồng
1.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	85.500 triệu đồng
1.2	Quỹ Đầu tư phát triển:	23.097 triệu đồng
1.3	Vốn khác của chủ sở hữu:	10.043 triệu đồng
1.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	17.414 triệu đồng
2	Tổng doanh thu:	183.400 triệu đồng
2.1	Doanh thu hoạt động SXKD:	181.120 triệu đồng
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính:	1.780 triệu đồng
2.3	Doanh thu (thu nhập) khác:	500 triệu đồng
3	Lợi nhuận trước thuế:	20.000 triệu đồng
4	Tổng số thuế và các khoản nộp NSNN:	19.000 triệu đồng
5	Tổng tài sản:	431.206 triệu đồng
6	Tổng nợ phải trả:	295.000 triệu đồng
7	Tổng nợ phải thu:	36.000 triệu đồng
8	Đầu tư tài chính dài hạn:	6.750 triệu đồng
9	Cân đối kế hoạch nguồn thu chi:	4.081 triệu đồng
9.1	Kế hoạch nguồn thu:	408.620 triệu đồng
9.2	Kế hoạch nguồn chi:	404.540 triệu đồng
10	Kế hoạch vốn đầu tư:	236.690 triệu đồng
	Vốn vay ngân hàng và các TCTD:	45.500 triệu đồng
	Vốn tự có, huy động khác:	191.190 triệu đồng
11	Kế hoạch tín dụng:	105.500 triệu đồng
	Vay ngắn hạn ngân hàng và các TCTD:	60.000 triệu đồng
	Vay dài hạn ngân hàng và các TCTD:	45.500 triệu đồng
12	Kế hoạch CPBH, CP QLDN:	28.000 triệu đồng
13	Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ	
	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN:	20.000 triệu đồng
	Thuế TNDN:	4.000 triệu đồng
	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN:	16.000 triệu đồng
	Lợi nhuận năm trước giữ lại chưa chia cổ tức:	1.565 triệu đồng
	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)	1.600 triệu đồng
	Trích Quỹ đầu tư phát triển (15%)	2.400 triệu đồng
	Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	300 triệu đồng
	Lợi nhuận để lại chưa chia cổ tức (tái đầu tư)	3.005 triệu đồng
	Lợi nhuận chia cổ tức	10.260 triệu đồng
	Tỷ lệ cổ tức	≥ 12%/Vốn điều lệ

1.4. Phê duyệt hạn mức vay vốn lưu động và hạn mức bảo lãnh năm 2019 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An theo tờ trình số 12/CT-TCKT ngày 21/3/2019 của Giám đốc công ty.

1.5. Thông qua kết quả sơ bộ tình hình hoạt động SXKD Quý I/2019, kế hoạch Quý II/2019, với các chỉ tiêu chính như sau:

1.5.1. Kết quả sơ bộ tình hình hoạt động SXKD Quý I/2019: ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch quý I/2019	Ước thực hiện quý I/2019	Tỷ lệ % UTH quý I/2019 so với KH quý I/2019
I	Tổng giá trị SXKD	275.300	56.060	46.141	82,31
1	Giá trị xây lắp	120.000	23.000	10.000	43,48
2	Giá trị KDVLXD	60.000	12.000	14.981	124,85
3	Giá trị tư vấn	2.000	400	450	112,50
4	Giá trị KD hạ tầng và KD khác	93.300	20.660	20.710	100,24
II	Một số chỉ tiêu tài chính				
1	Doanh thu	213.400	42.680	34.648	81,18
	Trong đó:				
-	Giá trị xây lắp (gồm DT nội bộ)	80.000	16.000	4.505	28,16
-	Giá trị KDVLXD (gồm DTNB)	54.000	10.800	13.619	126,11
-	Giá trị tư vấn (gồm DT nội bộ)	1.400	280	775	276,89
-	Giá trị KD hạ tầng và KD khác	78.000	15.600	15.748	100,95
2	Lợi nhuận trước thuế	20.000	3.554	3.627	102,06
	Trong đó:				
-	Xây lắp	800	160	45	28,16
-	CN-VLXD	1.000	216	245	113,50
-	Tư vấn	150	28	78	276,89
-	Giá trị KD hạ tầng và KD khác	18.050	3.150	3.260	103,48
3	Nộp NSNN	19.000	2.561	2.079	81,18
III	Tổng giá trị đầu tư	233.280	53.705	1.820	3,39
IV	Thu nhập bình quân (người/tháng)	6.750	6.750	6.750	100,00

1.5.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2019: ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Quý II/2019	Tỷ lệ % Kế hoạch quý II/2019 so với KH năm 2019
I	Tổng giá trị SXKD	275.300	77.590	28,18
1	Giá trị xây lắp	120.000	43.000	35,83
2	Giá trị CN-VLXD	60.000	18.000	30,00
3	Giá trị tư vấn	2.000	770	38,50
4	Giá trị SXKD hạ tầng và KD khác	93.300	15.820	16,96
II	Một số chỉ tiêu tài chính			
1	Doanh thu	213.400	69.327	32,49
	Trong đó:			
-	Giá trị xây lắp (bao gồm DT nội bộ)	80.000	30.000	37,50
-	Giá trị KDVLXD (gồm DT nội bộ)	54.000	16.364	30,30
-	Giá trị tư vấn (gồm DT nội bộ)	1.400	400	28,57
-	Kinh doanh hạ tầng và KD khác	78.000	22.564	28,93
2	Lợi nhuận trước thuế	20.000	5.267	26,34
	Trong đó:			

-	Xây lắp	800	300	37,50
-	CN-VLXD	1.000	295	29,45
-	Tư vấn	150	40	26,67
-	Kinh doanh hạ tầng và KD khác	18.050	4.633	25,67
3	Nộp NSNN	19.000	4.160	21,89
III	Tổng giá trị đầu tư	233.280	12.060	5,17
IV	Thu nhập bình quân (người/tháng)	6.750	6.750	100,00

1.6. Công tác khác:

1.6.1. Phê duyệt quyết toán hạng mục Công trình Đường Hùng Vương nối dài (đoạn từ cọc C31 đến cọc lè QL1A) theo tờ trình số 14/CT-TCKT ngày 21/3/2019 của Giám đốc công ty.

1.6.2. Giao Ban điều hành tiếp tục đôn đốc công tác quyết toán và kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành đối với các hạng mục công trình thuộc dự án Khu dân cư trung tâm mở rộng phường 6, khi đủ điều kiện sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.

Điều 2: Hội đồng quản trị giao Ban Điều hành tiếp tục triển khai các bước tiếp theo trên tinh thần nội dung Nghị quyết này.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban nghiệp vụ liên quan Công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện vào phiên họp sau./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Các Phó GD;
- Lưu VPTH, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Phan Văn Chung

